Bảng báo giá sika chống thấm mới nhất hiện nay 2023

Dưới đây tôi sẽ gửi đến bạn bảng báo giá tổng hợp các sản phẩm Sika phổ biến hiện nay mà hãng Sika đang phân phối

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sika Latex hụ gia chống thấm và kết nối	Lít	100.000	Can 5 lít	500.000	1 L cho vữa cán sàn 2 Cm
Sika Latex TH hống thấm và kết nối	Lít	66.000	Can 5 lít	350.000	1 L cho vữa cán sàn 2 Cm
Sika Lite hống thấm cho vữa	Lít	50.000	Can 5 lít	250.000	1-2% theo khối lượng của xi mă
Sika WaterProofing Liquid hống thấm gốc xi măng	Lít	55.000	Can 5 lít	275.000	1 – 2% theo khối lượng của xi m
Sikatop Seal 107 hống thấm bảo vệ đàn hồi	Kg	34.000	25 Kg/Bộ	900.000	1.5-2 Kg/m² cho mỗi lớp
Sikatop Seal 105 Vn hống thấm bảo vệ đàn hồi	Kg	26.000	25 Kg/Bộ	650.000	1.5-2 Kg/m² cho mỗi lớp
Sikatop Seal 109 Vn hống thấm bảo vệ đàn hồi	Kg	64.000	15 Kg/Bộ	960.000	1.5-2 Kg/m² cho mỗi lớp
Sika 102 măng đông cứng nhanh	Kg	175.000	Túi 2 Kg	350.000	Theo hình dạng rò rỉ
Sika 1F hống thấm pha xi măng	Kg	80.500	18 Kg/Thùng	1.450.000	0.5-0.6 Kg/m²/lớp
Sikaproof Membrane ơn chống thấm bi tum	Kg	58.400	18 Kg/Thùng	1.150.000	2 Kg/m² cho độ dày 1.1mm
Sika Raintile Grey ơn chống thấm Acrylic	Kg	108.000	20 Kg/Thùng	2.160.000	0.8 Kg/m² 2 lớp

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sika Coat Plus Grey ớn chống thấm Acrylic	Kg	132.500	20 Kg/Thùng	2.650.000	0.3 Kg/m²/1 lớp
Sikalastic 632 R ớn chống thấm Pu	Kg	230.000	21 Kg/ Thùng	4.830.000	1.2-1.8 Kg/m²
Sikalastic 590 ớn chống thấm Pu	Kg	134.250	20 Kg/Thùng	2.685.000	1.5 – 1.7 Kg/m²
Sikalastic 110 ớn chống thấm Pu	Kg	117.000	20 Kg/Thùng	2.340.000	0.65 Kg/m²/lớp
Sikalastic U Primer ớn lót Pu	Kg	196.000	14 Kg/Thùng	2.744.000	0.2 Kg/m²/lớp
Sika reemat Premium 120 ưới thủy tinh gia cường	m²	70.000	Cuộn 1,38mx200m	19.320.000	Theo thực tế
Bc Bitument Coating ớn lót bi tum	Kg	100.000	18 Kg/Thùng	1.800.000	0.6 Kg/m²/lớp
SikaBit 1 ớn lót cho màng chống thấm	Kg	8.000	25 Kg/Bao	200.000	2 -3 Kg/m²/lớp
SikaBit W15 àng chống thấm tự dính	m²	177.500	Cuộn 1mx20m	3.550.000	Theo thực tế
SikaBit Pro P-30 Sand àng chống thấm khò nóng	m²	115.000	Cuộn 1mx10m	1.150.000	1m² màng/0,8m² bề mặt
SikaBit Pro P-40 Sand àng chống thấm khò nóng	m²	135.000	Cuộn 1mx10m	1.350.000	1m² màng/0,8m² bề mặt
SikaBit Pro P-40 MG àng chống thấm khò nóng	m²	155.000	Cuộn 1mx10m	1.550.000	1m² màng/0,8m² bề mặt
Sika Multiseal àng chống thấm tự dính	m	45.000	Cuộn 7.5Cmx10m	450.000	Theo thực tế

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sika Hydrotite CJ ao su trương nở	m	215.000	10m/cuộn	2.150.000	Theo thực tế
Sika SwellStop ăng trương nở Be-to-nít	m	168.000	2.5Cmx1.9Cmx5m/ cuộn	840.000	Theo thực tế
Sika SwellStop II ăng trương nở Be-to-nít	m	86.000	1.9Cmx0.9Cmx7.6 m/cuộn	653.600	Theo thực tế
Sika Waterbars V 15 ăng cản nước PVC	m	157.500	15Cmx20m/cuộn	3.140.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars V15E ăng cản nước PVC	m	135.000	15Cmx30m/cuộn	2.700.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars V 20 ăng cản nước PVC	m	182.000	20Cmx20m/cuộn	3.640.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars V 20 Eco ăng cản nước PVC	m	115.000	20Cmx20m/cuộn	2.300.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars V 25 ăng cản nước PVC	m	243.000	25Cmx20m/cuộn	4.860.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars O15 ăng cản nước PVC	m	154.000	15Cmx20m/cuộn	3.080.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars O 20 ăng cản nước PVC	m	264.000	20Cmx20m/cuộn	5.280.000	1 m cho 1 m khe nối
Sika Waterbars O 25 ăng cản nước PVC	m	312.200	20Cmx20m/cuộn	6.424.000	1 m cho 1 m khe nối
Sikagrout 214-11 ữa không co ngót	Kg	10.600	Bao 25 Kg	265.000	76 bao 25 Kg được 1 m3
Sikagrout 214-11 HS ữa không co ngót	Kg	24.600	Bao 25 Kg	615.000	77 bao 25 Kg được 1 m3

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sikagrout 214-11 GP ữa không co ngót	Kg	8.600	Bao 25 Kg	215.000	76 bao 25 Kg tạo 1m3
Sikadur 42 MP ữa không co ngót Epoxy	Kg	80.000	12 Kg/Bộ	960.000	2.13 Kg/1 Lít
Sikadur 731 eo kết dính epoxy	Kg	255.000	Bộ 1Kg	255.000	1.7 Kg/1 Lít
Sikadur 732 eo kết nối epoxy	Kg	355.000	Bộ 1Kg	355.000	1.4 Kg/1 Lít
Sikadur 752 eo bơm epoxy	Kg	400.000	Bộ 1 Kg	400.000	1.1 Kg/1 Lít
Sika Anchorfix 3001 eo khoan cấy thép	Tuýp	590.000	Tuýp 600 ml	590.000	1.7 Kg/1 Lít
Sika Anchorfix S eo khoan cấy thép	Tuýp	315.000	Tuýp 300 ml	315.000	1.7 Kg/1 Lít
Sikadur 20 Crack Seal eo bơm epoxy	Bộ	160.000	Tuýp 160 g	169.000	1.7 Kg/1 Lít
Intraplast Z – HV hụ gia trương nở bù co ngót	Kg	102.000	18Kg/Bao	1.836.000	1.05 Kg/1 Lít
Sikanol óa dẻo tăng kết dính cho vữa	Lít	50.000	Can 25 lít	1.250.000	1.01 Kg/1 Lít
Sika Monotop 610 ết dính và bảo vệ cốt thép	Kg	55.000	Bao 5 Kg	275.000	1.5-2 Kg/m²/1 lớp
Sika Monotop 615 HB ữa sửa chữa bê tông	Kg	55.000	Bao 25 Kg	1.375.000	60 bao 25 Kg được 1 m3
Sika Monotop – R ữa sửa chữa bê tông	Kg	55.000	Bao 25 Kg	1.375.000	75 bao 25 Kg được 1 m3

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sika Refit 2000 ữa sửa chữa bê tông	Kg	26.000	Bao 20 Kg	520.000	82 bao 20 Kg được 1 m3
Sikagard 75 Epocem ữa trám xi măng-epoxy	Kg	60.000	24 Kg/Bộ	1.440.000	2-4 Kg/m² cho độ dày 1-2 mm
Sika Tilegrout White eo chà ron	Kg	27.000	Túi 1 Kg	27.000	76 bao 20 Kg được 1 m3
Sika Tilebond GP eo dán gạch	Kg	8.400	Bao 25 Kg	210.000	7-8 m² bao 25 Kg dày 2 mm
Sika Ceram 200HP eo dán gạch	Kg	15.200	Bao 25 Kg	370.000	7-8 m² bao 25 Kg dày 2 mm
Sikaflex Construction AP Grey eo bơm trám khe Pu	Tuýp	175.000	Tuýp 600ml	175.000	2,5 m khe rộng 2Cmx1Cm sâu h
Sikaflex Pro – 3 Grey eo bơm trám khe	Tuýp	235.000	Tuýp 600ml	235.000	Tùy kích thước khe
Sikaflex 11FC eo bơm trám khe	Tuýp	270.000	Tuýp 600ml	270.000	Tùy kích thước khe
Sika Primer 3 – N hất quét lót trám khe	Lon	1.320.000	1 Lít/Lọ	1.320.000	150g/m²
Sikaflex 134 Bond Seal eo dán dính-trám khe	Tuýp	125.000	Tuýp 300 ml	125.000	3 m khe rộng 1Cmx1Cm sâu hết
Sikasil 124 eo trám khe-kết dính	Tuýp	80.000	Tuýp 300 ml	80.000	2.9 m khe rộng 1Cmx1Cm sâu h
Sikasil 129 eo trám khe chống nấm mốc	Tuýp	85.000	Tuýp 270 ml	85.000	1.5 m khe rộng 2Cmx1Cm sâu h
Sika Injection 101 AB eo bơm epoxy	Bộ	6.900.000	Bộ 22.5 Kg	6.900.000	A ~1.0 Kg/L và B ~1.25 Kg/L

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sika Injection 201 AB eo bơm epoxy	Bộ	7.550.000	Bộ 20.6 Kg	7.550.000	A ~1.0 Kg/L và B ~1.07 Kg/L
Sikament NN nụ gia tăng cường độ sớm	Lít	40.000	5Lít/Can	200.000	0.6-2.0 L cho 100 Kg xi măng
Sikament-1 R4 nụ gia tăng cường độ sớm, ninh ết chậm	Lít	34.000	5Lít/Can	170.000	0.6-1.6 L cho 100 Kg xi măng
Sikament 2000AT-N nụ gia tăng cường độ sớm, ninh ết chậm	Lít	32.000	5Lít/Can	160.000	0.6-1.2 L cho 100 Kg xi măng
Sikament R7N nụ gia hóa dẻo	Lít	23.000	5Lít/Can	115.000	0.3-0.8 L cho 100 Kg xi măng
Sika Sigunit D54AF nụ gia minh kết nhanh bê tông nun	Bao	40.000	20Kg/Bao	800.000	2.0-6.0 % cho 100 Kg xi măng
Plastocrete N nụ gia chống thấm	Lít	30.000	5Lít/Can	150.000	0.3-0.5 L cho 100 Kg xi măng
Sikacrete PP1 o bay – silica fume	Kg	17.000	20Kg/Bao	340.000	5-10 % theo trọng lượng xi măng
SikaViscocrete 3000-20 M nụ gia giảm nước cao cấp	Lít	50.000	5Lít/Can	250.000	0.7-2.5 L cho 100 Kg xi măng
SikaViscocrete 3153 VN nụ gia giảm nước	Lít	55.000	5Lít/Can	275.000	0.7-2.5 L cho 100 Kg xi măng
Antisol S ảo dưỡng bê tông	Lít	30.000	5Lít/Can	150.000	4-5 m²/L
Antisol E ảo dưỡng bê tông	Lít	38.000	5Lít/Can	190.000	4-6 m²/L

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Rugasol C c chế bề mặt bê tông tạo nhám	Lít	36.000	5Lít/Can	180.000	0.25-0.3 Kg/m²
Rugasol F c chế bề mặt bê tông tạo nhám	Kg	47.000	15Kg/Thùng	705.000	0.25-0.3 Kg/m²
Separol ầu chống dính ván khuôn	Lít	59.000	5Lít/Can	295.000	21 m² /L Gỗ 42 m² /L Kim Loại
Sika Poxitar MY ơn epoxy-dầu antraxen chịu hóa hất	Kg	345.000	21 Kg/ Bộ	7.245.000	0,31 Kg/m² dày 150 Micron
Sikafloor 2530-New màu Ral-011/7032/7035 ơn epoxy gốc nước	Kg	268.000	10Kg/Bộ	2.680.000	Tham khảo tài liệu kỹ thuật
Sikafloor 263-SL màu Ral-011/7032/7035 ơn epoxy tự san phẳng	Kg	255.000	10Kg/Bộ	2.550.000	Tham khảo tài liệu Kỹ thuật
Sikafloor 264 màu Ral-011/7032/7035 ơn epoxy không dung môi	Kg	255.000	10Kg/Bộ	2.550.000	Tham khảo tài liệu Kỹ thuật
Sikafloor 161 ơn lót epoxy	Kg	260.000	10Kg/Bộ	2.600.000	Tham khảo tài liệu Kỹ thuật
Sikafloor 81 Epocem ữa xi măng- epoxy ngăn ẩm	Kg	60.000	23Kg/Bộ	1.380.000	Tham khảo tài liệu Kỹ thuật
Sikafloor Curehard 24 hụ gia bê tông mài bóng	Lít	85.000	25Lít/Can	2.125.000	0.15 đến 0.25 lít/m² cho 1 lớp
Sikagard 905W ơn chống ẩm mốc	Lít	100.000	5Lít/Can	500.000	3-5 m² /1 lít cho 1 lớp
Sikafloor Chapdur Green ăng cứng nền bê tông	Kg	14.000	25Kg/Bao	350.000	3-6 Kg/m²

TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ/1 ĐVT)	QUY CÁCH	ĐƠN GIÁ THEO QUY CÁCH (VNĐ)	ĐỊNH MỨC VẬT TƯ
Sikafloor Chapdur Grey ăng cứng nền bê tông	Kg	6.400	25Kg/Bao		